

Bản án số: 62/2024/HS-PT.
Ngày: 01/7/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vũ;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Hữu;
Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Bích Trâm-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lâm Dạ Hằng-Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25/6/2024 và 01/7/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 55/2024/TLPT-HS ngày 14/5/2024 đối với các bị cáo Huỳnh Thị Lệ D, Đào Ngọc B và Trần Cẩm T do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2024/HS-ST ngày 27/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị cáo bị kháng nghị:

1. Huỳnh Thị Lệ D; Sinh ngày: 01/01/1972; Nơi sinh: Tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Văn N và bà Nguyễn Thị H; Có chồng là ông Phan Hồng M, sinh năm 1968 và 02 người con, người con lớn nhất năm 1992, người con nhỏ nhất sinh năm 1996; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cẩm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/12/2023 cho đến nay. (có mặt)

2. Đào Ngọc B; Tên gọi khác: N1; Sinh ngày: 01/01/1985; Nơi sinh: Tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đào Văn K và bà Nguyễn Thị K1; Có chồng là ông Tạ Thành T1, sinh năm 1974 và 03 người con, người con lớn nhất sinh năm 2005, người con nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị

cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/12/2023 cho đến nay. (có mặt)

3. **Trần Cẩm T**; Sinh ngày: 01/01/1985; Nơi sinh: Tỉnh Hậu Giang; Nơi đăng ký thường trú: **Ấp M, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang**; Chỗ ở hiện nay: **Ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng**; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Trần Văn Đ** và bà **Trần Thị L**; Có chồng là ông **Phạm Văn Minh P**, sinh năm 1976 và 01 người con sinh năm 2019; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/12/2023 cho đến nay. (có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo **Huỳnh Thị Lệ D**: Ông **Nguyễn Vĩnh P1**-luật sư của Văn phòng luật sư **Nguyễn Vĩnh P1** thuộc Đoàn luật sư tỉnh S; Địa chỉ Văn phòng: **Ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng**. (có mặt)

- Những người dưới đây không liên quan đến kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập gồm: Các bị cáo **Nguyễn Văn H1, Lê Thị K2, Nguyễn Thị C**; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án **Phan Hồng M**; Người làm chứng **Nguyễn Thị M1**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc khoảng 11 giờ 30 phút ngày 14/7/2023, tại quán của bị cáo **Huỳnh Thị Lệ D** ở **ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng**, bị cáo **D** rủ các bị cáo **Đào Ngọc B, Nguyễn Văn H1, Lê Thị K2** đánh bài tiến lên ăn thua bằng tiền, do bị cáo **H1** không biết chơi bài tiến lên nên chuyển sang chơi bài binh 06 lá ăn thua bằng tiền thì tất cả đồng ý. Bị cáo **D** cung cấp bài tây, bị cáo **B** làm nhà cái để đánh bạc ăn thua trực tiếp với các bị cáo **D, H1, K2** mỗi người một tụ. Các bị cáo quy định, mỗi tụ đặt tiền cược thấp nhất là 20.000 đồng, cao nhất là 100.000 đồng. Trong lúc các bị cáo đang đánh bạc, bị cáo **Nguyễn Thị C** đến quán mua 02 gói cà phê, thấy các bị cáo đang đánh bạc, bị cáo **C** tham gia đánh bạc bằng hình thức ké thanh tụ bị cáo **D** 02 ván, ván đầu bị cáo **C** ké thanh tụ bị cáo **D** số tiền 10.000 đồng, thắng cược được 10.000 đồng, ván sau bị cáo **C** ké thanh tụ bị cáo **D** số tiền 10.000 đồng, thua hết số tiền 10.000 đồng, bị cáo **C** nghỉ chơi và đi về nhà. Một lúc sau, bị cáo **Kim n** chơi, đi về nhà, còn lại các bị cáo **D, B, H1** tiếp tục đánh bạc với nhau. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, bị cáo **Trần Cẩm T** đi đến quán, tham gia đánh bạc, các bị cáo thông nhất dời địa điểm đánh bạc vào nhà sau của bị cáo **D** nhằm tránh sự chú ý. Lúc này, bị cáo **T** và bị cáo **B** thay nhau làm nhà cái và đặt tụ (nếu người kia làm cái) để đánh bạc ăn thua trực tiếp với các bị cáo khác, riêng bị cáo **D** nghỉ chơi để coi quán và chờ lấy tiền xâu. Một lúc sau, bị cáo **Lê Thị Đ1** và bị cáo **Lê Thị Kim lần 1** đến, tham gia đánh bạc. Lúc này, bị cáo **T** và bị cáo **B** tiếp tục thay nhau làm nhà cái, các bị cáo **H1, Đ1, Kim** đặt tụ ăn thua trực tiếp với nhà làm cái, mỗi tụ đặt cược thấp nhất là 50.000 đồng, cao nhất là 100.000 đồng. Đến khoảng hơn 14 giờ cùng ngày, lực

lượng Công an huyện C tiến hành kiểm tra, phát hiện các bị cáo đánh bạc trái phép bằng hình thức bài binh 06 lá được thua bằng tiền nên lập biên bản và tạm giữ tại chiếu bạc số tiền 3.300.000 đồng, tạm giữ trên người các bị cáo tổng số tiền 28.602.000 đồng (bị cáo D số tiền 715.000 đồng, bị cáo B số tiền 13.286.000 đồng, bị cáo T số tiền 15.883.000 đồng, bị cáo K2 số tiền 1.138.000 đồng, bị cáo Đ1 số tiền 780.000 đồng, bị cáo H1 số tiền 100.000 đồng và tạm giữ của bị cáo D 01 chiếc chiếu vải màu vàng nâu đen, kích thước 1,8m x 1,5m, 14 bộ bài tây (07 bộ chưa sử dụng, 07 bộ đã sử dụng), 203 lá bài tây, 15 nút bài thất hình tam giác.

Trong quá trình điều tra, các bị cáo D1, B, T, D1, H1, K2 và C khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện, Cơ quan điều tra xác định số tiền mà các bị cáo dùng để đánh bạc là 13.246.000 đồng, cụ thể như sau:

- Bị cáo Huỳnh Thị Lệ D khai nhận: Vào ngày 14/7/2023, bị cáo D đã dùng địa điểm là quán và nhà sau ở ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, cung cấp bài tây, chiếu vải, cùng các bị cáo khác đánh bạc trái phép bằng hình thức bài binh 06 được thua bằng tiền và thu tiền xâu. Số tiền bị cáo D đánh bạc là 20.000 đồng, khi nghỉ chơi đánh bạc bị cáo D không kiểm đếm tiền nên không biết số tiền thắng, thua. Đến khi bị phát hiện, lập biên bản vi phạm thu giữ của bị cáo D số tiền 715.000 đồng, gồm số tiền đánh bạc 20.000 đồng, số tiền thu tiền xâu 250.000 đồng và số tiền 445.000 đồng là số tiền bị cáo D bán quán mà có.

- Bị cáo Đào Ngọc B khai nhận: Vào ngày 14/7/2023, khi đến quán của bị cáo D, bị cáo B mang theo số tiền 12.686.000 đồng, dùng số tiền 10.686.000 đồng để đánh bạc, số tiền còn lại 2.000.000 đồng để tiêu xài và khám trị bệnh cho con, không dùng để đánh bạc. Trước khi bị cáo T đến, bị cáo B làm nhà cái, đánh bài binh 06 lá ăn thua bằng tiền với các bị cáo D, H1, K2, C. Khi bị cáo T đến, tất cả thống nhất dời địa điểm đánh bạc vào nhà sau của bị cáo D, bị cáo B và bị cáo T thay phiên nhau làm nhà cái, đánh bạc ăn thua trực tiếp với các bị cáo đặt tụ. Kết quả đánh bạc, bị cáo B thắng được số tiền 750.000 đồng, đã đưa tiền xâu cho bị cáo D số tiền 150.000 đồng. Đến khi bị phát hiện, lập biên bản vi phạm thu giữ của bị cáo B số tiền 13.286.000 đồng.

- Bị cáo Trần Cẩm T khai nhận: Vào ngày 14/7/2023, khi đến quán của bị cáo D, bị cáo T mang theo số tiền 16.383.000 đồng, sử dụng số tiền 1.000.000 đồng để đánh bạc, số tiền còn lại 15.383.000 đồng bị cáo T cất riêng dùng để mua vật liệu xây dựng cất nhà, không dùng để đánh bạc. Khi bị cáo T đến, tất cả thống nhất dời địa điểm đánh bạc vào nhà sau của bị cáo D, bị cáo T và bị cáo B thay phiên nhau làm nhà cái, đánh bạc ăn thua trực tiếp với các bị cáo đặt tụ. Kết quả đánh bạc, bị cáo T thua số tiền 400.000 đồng, đã đưa tiền xâu cho bị cáo D số tiền 100.000 đồng. Đến khi bị phát hiện, lập biên bản vi phạm thu giữ của bị cáo T số tiền 15.883.000 đồng.

- Bị cáo Lê Thị Đ1 khai nhận: Vào ngày 14/7/2023, khi đến quán của bị cáo D, bị cáo Đ1 mang theo số tiền 830.000 đồng, dùng hết số tiền 830.000 đồng để đánh bạc. Bị cáo Đ1 đặt tụ ăn thua trực tiếp với bị cáo B khi bị cáo B làm nhà cái, ăn thua trực tiếp với bị cáo T khi bị cáo T làm nhà cái. Kết quả

đánh bạc, bị cáo **Đ1** thua số tiền 50.000 đồng. Đến khi bị phát hiện, lập biên bản vi phạm thu giữ của bị cáo **Đ1** số tiền 780.000 đồng.

- Bị cáo **Nguyễn Văn H1** khai nhận: Vào ngày 14/7/2023, khi đến quán của bị cáo **D**, bị cáo **H1** mang theo số tiền 500.000 đồng, dùng hết số tiền 500.000 đồng để đánh bạc. Bị cáo **H1** đặt tụ ăn thua trực tiếp với bị cáo **B** khi bị cáo **B** làm nhà cái, ăn thua trực tiếp với bị cáo **T** khi bị cáo **T** làm nhà cái. Kết quả đánh bạc, bị cáo **H1** thua số tiền 400.000 đồng. Đến khi bị phát hiện, lập biên bản vi phạm thu giữ của bị cáo **H1** số tiền 100.000 đồng.

- Bị cáo **Lê Thị K2** khai nhận: Vào ngày 14/7/2023, khi đến quán của bị cáo **D**, bị cáo **K2** đem theo số tiền 1.088.000 đồng, dùng số tiền 200.000 đồng để đánh bạc, số tiền còn lại 888.000 đồng là số tiền của bà **Hồ Thị T2** (mẹ ruột bị cáo **K2**) gửi mua thuốc, không dùng để đánh bạc. Bị cáo Kim đặt tụ ăn thua trực tiếp với bị cáo **B** khi bị cáo **B** làm nhà cái, ăn thua trực tiếp với bị cáo **T3** khi bị cáo **T** làm nhà cái. Kết quả đánh bạc, bị cáo **Kim t** được số tiền 50.000 đồng. Đến khi bị phát hiện, lập biên bản vi phạm thu giữ của bị cáo **K2** số tiền 1.138.000 đồng.

- Bị cáo **Nguyễn Thị C** khai nhận: Vào ngày 14/7/2023, khi đến quán bị cáo **D**, bị cáo **C** đem theo số tiền 20.000 đồng, mua 02 gói cà phê hết số tiền 8.000 đồng. Bị cáo **C** sử dụng số tiền 10.000 đồng để đánh bạc, bị cáo **C** ký thành tụ bị cáo **D** 02 ván, ván thứ nhất bị cáo **C** ký thành tụ bị cáo **D** số tiền 10.000 đồng, thắng được số tiền 10.000 đồng; ván thứ hai bị cáo **C** tiếp tục ký thành tụ bị cáo **D** số tiền 10.000 đồng, ván này thua hết số tiền 10.000 đồng, bị cáo **C** nghỉ chơi, đi về nhà.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2024/HS-ST ngày 27/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321; Điều 17; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo **Huỳnh Thị Lệ D**, **Đào Ngọc B**, **Trần Cẩm T**, **Lê Thị Đ1**, **Nguyễn Văn H1** và **Lê Thị K2**.

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321; Điều 17; các điểm i, o, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 54 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo **Nguyễn Thị C**.

- Tuyên bố: Các bị cáo **Huỳnh Thị Lệ D**, **Đào Ngọc B**, **Trần Cẩm T**, **Lê Thị Đ1**, **Nguyễn Văn H1**, **Lê Thị K2** và **Nguyễn Thị C** phạm tội “Đánh bạc”.

- Tuyên xử: Xử phạt tiền bị cáo **Huỳnh Thị Lệ D** số tiền Việt Nam 40.000.000 đồng nộp vào Ngân sách Nhà nước; Xử phạt tiền bị cáo **Đào Ngọc B** số tiền Việt Nam 40.000.000 đồng nộp vào Ngân sách Nhà nước; Xử phạt tiền bị cáo **Trần Cẩm T** số tiền Việt Nam 30.000.000 đồng nộp vào Ngân sách Nhà nước; Xử phạt tiền bị cáo **Lê Thị Đ1** số tiền Việt Nam 20.000.000 đồng nộp vào Ngân sách Nhà nước; Xử phạt tiền bị cáo **Nguyễn Văn H1** số tiền Việt Nam 20.000.000 đồng nộp vào Ngân sách Nhà nước; Xử phạt tiền bị cáo **Lê Thị K2** số tiền Việt Nam 20.000.000 đồng nộp vào Ngân sách Nhà nước; Xử phạt tiền

bị cáo **Nguyễn Thị C** số tiền Việt Nam 10.000.000 đồng nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án theo quy định của pháp luật.

* Ngày 10/4/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng ban hành Quyết định số 02/QĐ-VKSCT, kháng nghị phúc thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2024/HS-ST ngày 27/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng theo hướng chuyển hình phạt chính từ hình phạt tiền sang hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo **Huỳnh Thị Lệ D**, **Đào Ngọc B** và **Trần Thị T4** theo mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đã đề nghị tại phiên tòa sơ thẩm.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng thay đổi một phần nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng xác định Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận các bị cáo **Huỳnh Thị Lệ D**, **Đào Ngọc B** và **Trần Cẩm T** phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo **D**, **B** và **T** các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ. Tuy nhiên, việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo **D**, **B** và **T** là không tương xứng với vai trò của các bị cáo là đồng phạm tích cực trong vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo **D** và **B** từ 09 tháng đến 12 tháng và đối với bị cáo **T** từ 06 đến 09 tháng, đồng thời xét thấy các bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nơi cư trú rõ ràng và các bị cáo là nữ nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm cho các bị cáo hưởng án treo cũng đủ giáo dục, cải tạo các bị cáo, phòng ngừa chung cho toàn xã hội và vừa thể hiện tính nghiêm minh, vừa thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, sửa bản án sơ thẩm, chuyển sang hình phạt tù đối với các bị cáo **D**, **B**, **T** và cho các bị cáo hưởng án treo.

- Người bào chữa cho bị cáo **Huỳnh Thị Lệ D** trình bày: Hành của bị cáo **Huỳnh Thị Lệ D** cấu thành tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét khi lượng hình là bị cáo **D** có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo **D** không phải

là người rủ rê, khởi xướng trong vụ án theo lời trình bày của các bị cáo khác tại phiên tòa sơ thẩm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo **D**.

- Nói lời sau cùng tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo **D**, **B** và **T** xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của kháng nghị và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ-VKSCT của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C ban hành ngày 10/4/2024 và chuyển đến Tòa án cấp sơ thẩm vào ngày 10/4/2024 là đúng quy định về thẩm quyền kháng nghị, thời hạn kháng nghị theo quy định tại các điều 336 và 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021). Do đó, căn cứ vào Điều 345 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo **Huỳnh Thị Lệ D**, **Đào Ngọc B**, **Trần Cẩm T**, **Lê Thị Đ1**, **Nguyễn Văn H1**, **Lê Thị K2** và **Nguyễn Thị C** như sau: Vào lúc khoảng 11 giờ 30 phút ngày 14/7/2023, tại quán của bị cáo **Huỳnh Thị Lệ D** ở ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, bị cáo **D** rủ các bị cáo **Đào Ngọc B**, **Nguyễn Văn H1**, **Lê Thị K2** đánh bài ăn thua bằng tiền. Bị cáo **D** cung cấp bài tây, bị cáo **B** làm nhà cái để đánh bạc ăn thua trực tiếp với các bị cáo **D**, **H1**, **K2** mỗi người một tụ. Các bị cáo quy định, mỗi tụ đặt tiền cược thấp nhất là 20.000 đồng, cao nhất là 100.000 đồng. Sau đó, bị cáo **C** tham gia đánh bạc bằng hình thức ké thanh tụ bị cáo **D** 02 ván, mỗi ván đặt 10.000 đồng, thắng 01 ván, thua 01 ván, bị cáo **C** nghỉ chơi và đi về nhà. Một lúc sau, bị cáo **Kim n** chơi, đi về nhà, còn lại các bị cáo **D**, **B**, **H1** tiếp tục đánh bạc với nhau. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, bị cáo **T** đến tham gia đánh bạc, các bị cáo thống nhất dời địa điểm đánh bạc vào nhà sau của bị cáo **D** nhằm tránh sự chú ý. Lúc này, bị cáo **T** và bị cáo **B** thay nhau làm nhà cái và đặt tụ để đánh bạc ăn thua trực tiếp với các bị cáo khác, riêng bị cáo **D** nghỉ chơi để coi quán và chờ lấy tiền xâu. Một lúc sau, bị cáo **Đ1** và bị cáo **K2** lần lượt đến, tham gia đánh bạc. Lúc này, bị cáo **T** và bị cáo **B** tiếp tục thay nhau làm nhà cái, các bị cáo **H1**, **Đ1**, **Kim** đặt tụ ăn thua trực tiếp với nhà làm cái, mỗi tụ đặt cược thấp nhất là 50.000 đồng, cao nhất là 100.000 đồng. Đến khoảng hơn 14 giờ cùng ngày, lực lượng **Công an huyện C** tiến hành kiểm tra, phát hiện các bị cáo đánh bạc trái phép bằng hình thức bài binh 06 lá được thua bằng tiền nên lập biên bản bắt quả tang. Cơ quan điều tra chứng minh được bị cáo **D** thu xâu được số tiền là 250.000 đồng và số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 13.246.000 đồng (cụ thể, bị cáo **D** là 20.000 đồng, bị cáo **B** là 10.686.000 đồng, bị cáo **T** là 1.000.000 đồng, bị cáo **Đ1** là 830.000

đồng, bị cáo **H1** là 500.000 đồng, bị cáo **K2** là 200.000 đồng, bị cáo **C** là 10.000 đồng). Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận các bị cáo **D**, **B**, **T**, **Đ1**, **H1**, **K2** và **C** phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành: Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định các bị cáo **D**, **B** và **T** không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đồng thời, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, từ đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, trong vụ án này, các bị cáo **D**, **B** và **T** là các đồng phạm tích cực trong vụ án, trong đó bị cáo **D** là người rủ rê các bị cáo khác đánh bạc, cung cấp dụng cụ đánh bạc, thu xâu; các bị cáo **B** và **T** thay phiên làm nhà cái, riêng bị cáo **B** mang theo số tiền 10.686.000 đồng để đánh bạc nên việc Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo như các bị cáo khác trong vụ án là chưa phù hợp với vai trò của các bị cáo trong vụ án. Do đó, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, về việc chuyển sang hình phạt tù là hình phạt nặng hơn đối với các bị cáo là có cơ sở nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận. Xét trong vụ án này, các bị cáo có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nơi cư trú rõ ràng và các bị cáo là nữ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, áp dụng thêm Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), cho các bị cáo hưởng án treo cũng đủ giáo dục, cải tạo đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C, không chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo **D**. Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), sửa phần quyết định hình phạt đối với các bị cáo **D**, **B** và **T** của bản án sơ thẩm, áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo **D**, **B** và **T**, nhưng cho các bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với các bị cáo theo quy định của pháp luật. Đồng thời, trong thời gian thử thách nếu các bị cáo có ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) và khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Sửa phần quyết định về hình phạt đối với các bị cáo **Huỳnh Thị Lệ D**, **Đào Ngọc B** (tên gọi khác: **N1**) và **Trần Cẩm T** của Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2024/HS-ST ngày 27/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 17; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo **Huỳnh Thị Lệ D**.

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Thị Lệ D** 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc” và 02 (hai) năm thử thách, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 01/7/2024.

Giao bị cáo **Huỳnh Thị Lệ D** cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo **Huỳnh Thị Lệ D** thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 và Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo **Huỳnh Thị Lệ D** cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 17; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo **Đào Ngọc B** (tên gọi khác: **N1**).

Xử phạt bị cáo **Đào Ngọc B** (tên gọi khác: **N1**) 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc” và 02 (hai) năm thử thách, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 01/7/2024.

Giao bị cáo **Đào Ngọc B** (tên gọi khác: **N1**) cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo **Đào Ngọc B** (tên gọi khác: **N1**) thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo

quy định tại khoản 3 Điều 92 và Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo **Đào Ngọc B** (tên gọi khác: **N1**) cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 17; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo **Trần Cẩm T**.

Xử phạt bị cáo **Trần Cẩm T** 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc” và 01 (một) năm 06 (sáu) tháng thử thách, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 01/7/2024.

Giao bị cáo **Trần Cẩm T** cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo **Trần Cẩm T** thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 và Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo **Trần Cẩm T** cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

* Về án phí hình sự phúc thẩm:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Các bị cáo **Huỳnh Thị Lệ D**, **Đào Ngọc B** (tên gọi khác: **N1**) và **Trần Cẩm T** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần Quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1-TANDTC (01);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- TAND huyện C (06);
- VKSND huyện C (01);
- CQĐT - Công an huyện C (01);
- CQTHAHS-Công an huyện C (01);
- Chi cục THADS huyện C (01);
- Các bị cáo (03);
- PKTNV-THA-TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- CQTHAHS- Công an tỉnh Sóc Trăng (01);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Vũ

- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu HSVA, THS (04).